

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

Bản án số: 07 / 2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17/2/2023

V/v “ Không công nhận  
quan hệ vợ chồng ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Xuyên

***Các Hội thẩm nhân dân:***

[1] Ông Phạm Thành Đô;

[2] Bà Lê Thị Thận;

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** Bà  
Mai Thị Thanh Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù  
Đăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình, thụ lý  
số 271/2022/ TLST - HNGĐ ngày 08/12/2022 về việc “Không công nhận quan hệ  
vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐST - HNGĐ ngày  
06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự :

**Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị N; sinh năm 1987 ( vắng mặt )

Địa chỉ: Thôn 5, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970 ( vắng mặt )

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022 và những lời khai tiếp theo,  
nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện chung  
sống từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm  
2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan  
điểm sống, vợ chồng sống không hòa hợp nhau và đã sống ly thân cho đến nay.  
Hiện nay tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn  
nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ  
chồng với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Hoàng V Q, sinh ngày 25/10/ 2006; Hoàng Văn H, sinh ngày 10/2/2009, chị Nông có nguyện vọng giao hai con cho anh Đoàn nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân Anh đồng ý lời trình bày của cô Triệu Thị N về thời gian chung sống, về việc không đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn gia đình là đúng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với cô Triệu Thị N.

Về con chung: Hoàng V Q, sinh ngày 25/10/ 2006; Hoàng Văn H, sinh ngày 10/2/2009. Anh đồng ý nhận nuôi con. Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị N yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh Hoàng Văn Đ. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện chung sống từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung đến nay thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, không thể sống chung với nhau được nữa, các bên thừa nhận là đúng và đã sống ly thân, nay chị Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh Đoàn, Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, căn cứ điểm b mục 03 NQ 35/ QH của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn Đ.

[3]. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Hoàng V Q, sinh ngày 25/10/ 2006; Hoàng Văn H, sinh ngày 10/2/2009 cho anh Hoàng Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị N nộp theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/ QH của Quốc Hội.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn Đ.

[2]. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Hoàng V Q, sinh ngày 25/10/ 2006; Hoàng Văn H, sinh ngày 10/2/2009 cho anh Hoàng Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị N nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, tuy nhiên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000808 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước( Đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Bù Đăng;
- Chi cục THA h. Bù Đăng;
- Các đ/s;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà**

**Trần Văn Xuyên**